



BẢNG ĐIỂM KIỂM TRA THƯỜNG XUYÊN

học kỳ 2 - Năm học : 2020-2021

Môn học : Nguyên lý kế toán - MH1104036

Mã lớp học phần: MH110403602

Số tín chỉ: 3

Giảng viên giảng dạy: Nguyễn Thị Tuyết - (04058)

Ngày thi: _____ Giờ thi: _____ Phòng thi: _____

Giám thị 1: _____ Ký tên: _____

Giám thị 2: _____ Ký tên: _____

Giám thị 3: _____ Ký tên: _____

Giám thị 4: _____ Ký tên: _____

STT	Mã SV	Họ và tên	Ngày sinh	Chữ ký	Điểm số	Điểm chữ	Mã lớp	Ghi chú
1	2010110012	Nguyễn Thị Như Bình	01/08/2002		8	Tám	C22QT4	
2	2010100138	Nguyễn Thị Minh Châu	30/07/2002		7	Bảy	C22QT4	
3	2010100116	Hồ Thị Thùy Dung	11/05/2002		6	Sáu	C22QT4	
4	2010100108	Nguyễn Thị Mỹ Duyên	23/07/2002		7	Bảy	C22QT4	
5	2010100131	Nguyễn Thị Mỹ Duyên	01/02/2002		6	Sáu	C22QT4	
6	2010100122	Võ Lê Ngọc Duyên	23/02/2002		6	Sáu	C22QT4	
7	2010100129	Lâm Thùy Dương	17/08/2002		10	Mười	C22QT4	
8	2010100111	Võ Thị Thùy Dương	10/10/2002		8	Tám	C22QT4	
9	2010100119	Trần Nguyễn Phương Đào	06/05/2002		8	Tám	C22QT4	
10	2010110018	Nguyễn Thị Mỹ Hạnh	27/02/2001		8	Tám	C22QT4	
11	2010100101	Trương Văn Hiếu	01/01/2002		5	Năm	C22QT4	
12	2010100124	Nguyễn Thị Mỹ Huyền	20/05/2002		8	Tám	C22QT4	
13	2010100115	Phạm Ngọc Lâm	08/06/2002		6	Sáu	C22QT4	
14	2010100125	Nguyễn Thị Nhã Linh	16/06/2002		6	Sáu	C22QT4	
15	2010100136	Phạm Hoàng Duy Linh	17/11/2002		6	Sáu	C22QT4	
16	2010100121	Nguyễn Ngọc Long	14/10/2002		5	Năm	C22QT4	
17	2010100123	Từ Lâm Yến Mi	06/07/2002		7	Bảy	C22QT4	
18	2010100135	Huỳnh Thanh Nga	15.08.2002		7	Bảy	C22QT4	
19	2010100114	Đào Ngọc Kim Ngân	04/03/2002		10	Mười	C22QT4	
20	2010100117	Đoàn Thị Mỹ Nhân	13/06/2002		7	Bảy	C22QT4	
21	2010100113	Quách Minh Phi	10/05/2002		6	Sáu	C22QT4	
22	2010100134	Nguyễn Thái Phong	22/04/2002		7	Bảy	C22QT4	
23	2010100107	Đào Võ Xuân Quang	12/02/2002		7	Bảy	C22QT4	
24	2010100130	Sakyna	22/12/2002		6	Sáu	C22QT4	
25	2010100137	Phan Hữu Tài	30/10/2002		7	Bảy	C22QT4	
26	2010100118	Lê Huỳnh Thu Thảo	12/12/2002		6	Sáu	C22QT4	
27	2010100133	Trần Quốc Thắng	03/10/2002		6	Sáu	C22QT4	
28	2010100110	Trương Minh Thiện	22/11/2002		5	Năm	C22QT4	
29	2010100109	Lưu Thảo Trang	10/11/2000		8	Tám	C22QT4	
30	2010100128	Nguyễn Thị Ngọc Trang	06/05/2001		7	Bảy	C22QT4	
31	2010100126	Trần Thu Trang	27/12/2002		5	Năm	C22QT4	
32	2010100149	Nguyễn Huỳnh Quế Trân	27/07/2002		8	Tám	C22QT4	
33	2010100127	Đặng Văn Truyền	27/01/2002		8	Tám	C22QT4	
34	2010100132	Nguyễn Thanh Tuyết	26/11/2002		6	Sáu	C22QT4	

STT	Mã SV	Họ và tên	Ngày sinh	Chữ ký	Điểm số	Điểm chữ	Mã lớp	Ghi chú
35	2010100120	Hồ Văn Văn	07/07/2002	Văn	8	giam	C22QT4	

Lưu ý: Sinh viên chưa đóng học phí không được kiểm tra giữa kỳ và thi kết thúc học phần.

Tổng số sinh viên dự thi : 35 vắng thi: 0 . Số bài thi: 35 / 35 .
Số sinh viên đạt/không đạt: 35 / Tỷ lệ đạt: 100 %

Ngày: 19 tháng 4 năm 2021

TRƯỞNG KHOA/ BỘ MÔN

(ký & ghi rõ họ tên)



ThS. Hồ Thiện Thông Minh

Ngày: 15 tháng 03 năm 2021

GIÁO VIÊN CHẤM THI

(ký & ghi rõ họ tên)



TRƯỜNG
KHẢO

BẢNG ĐIỂM KIỂM TRA ĐỊNH KỲ

học kỳ 2 - Năm học : 2020-2021

Môn học : Nguyên lý kế toán - MH1104036

Giám thị 1: _____ Ký tên: _____

Mã lớp học phần: MH110403602

Số tín chỉ: 3

Giám thị 2: _____ Ký tên: _____

Giảng viên giảng dạy: Nguyễn Thị Tuyết - (04058)

Giám thị 3: _____ Ký tên: _____

Ngày thi: _____ Giờ thi: _____ Phòng thi: _____

Giám thị 4: _____ Ký tên: _____

STT	Mã SV	Họ và tên	Bình	Ngày sinh	Chữ ký	Điểm số	Điểm chữ	Mã lớp	Ghi chú
1	2010110012	Nguyễn Thị Như	Bình	01/08/2002		6	Sáu	C22QT4	
2	2010100138	Nguyễn Thị Minh	Châu	30/07/2002		6	Sáu	C22QT4	
3	2010100116	Hồ Thị Thùy	Dung	11/05/2002		5	Năm	C22QT4	
4	2010100108	Nguyễn Thị Mỹ	Duyên	23/07/2002		5	Năm	C22QT4	
5	2010100131	Nguyễn Thị Mỹ	Duyên	01/02/2002		8	Tám	C22QT4	
6	2010100122	Võ Lê Ngọc	Duyên	23/02/2002		6	Sáu	C22QT4	
7	2010100129	Lâm Thùy	Dương	17/08/2002		9	Chín	C22QT4	
8	2010100111	Võ Thị Thùy	Dương	10/10/2002		5	Năm	C22QT4	
9	2010100119	Trần Nguyễn Phương	Đào	06/05/2002		5	Năm	C22QT4	
10	2010110018	Nguyễn Thị Mỹ	Hạnh	27/02/2001		6	Sáu	C22QT4	
11	2010100101	Trương Văn	Hiếu	01/01/2002		5	Năm	C22QT4	
12	2010100124	Nguyễn Thị Mỹ	Huyền	20/05/2002		9	Chín	C22QT4	
13	2010100115	Phạm Ngọc	Lâm	08/06/2002		6	Sáu	C22QT4	
14	2010100125	Nguyễn Thị Nhã	Linh	16/06/2002		6	Sáu	C22QT4	
15	2010100136	Phạm Hoàng Duy	Linh	17/11/2002		6	Sáu	C22QT4	
16	2010100121	Nguyễn Ngọc	Long	14/10/2002		6	Sáu	C22QT4	
17	2010100123	Từ Lâm Yên	Mi	06/07/2002		9	Chín	C22QT4	
18	2010100135	Huỳnh Thanh	Nga	15.08.2002		8	Tám	C22QT4	
19	2010100114	Đào Ngọc Kim	Ngân	04/03/2002		10	Mười	C22QT4	
20	2010100117	Đoàn Thị Mỹ	Nhàn	13/06/2002		6	Sáu	C22QT4	
21	2010100113	Quách Minh	Phi	10/05/2002		6	Sáu	C22QT4	
22	2010100134	Nguyễn Thái	Phong	22/04/2002		7	Bảy	C22QT4	
23	2010100107	Đào Võ Xuân	Quang	12/02/2002		7	Bảy	C22QT4	
24	2010100130		Sakyna	22/12/2002		8	Tám	C22QT4	
25	2010100137	Phan Hữu	Tài	30/10/2002		5	Năm	C22QT4	
26	2010100118	Lê Huỳnh Thu	Thảo	12/12/2002		6	Sáu	C22QT4	
27	2010100133	Trần Quốc	Thắng	03/10/2002		9	Chín	C22QT4	
28	2010100110	Trương Minh	Thiện	22/11/2002		5	Năm	C22QT4	
29	2010100109	Lưu Thảo	Trang	10/11/2000		6	Sáu	C22QT4	
30	2010100128	Nguyễn Thị Ngọc	Trang	06/05/2001		6	Sáu	C22QT4	
31	2010100126	Trần Thu	Trang	27/12/2002		6	Sáu	C22QT4	
32	2010100149	Nguyễn Huỳnh Quế	Trân	27/07/2002		7	Bảy	C22QT4	
33	2010100127	Đặng Văn	Truyền	27/01/2002		6	Sáu	C22QT4	
34	2010100132	Nguyễn Thanh	Tuyết	26/11/2002		9	Chín	C22QT4	

STT	Mã SV	Họ và tên	Ngày sinh	Chữ ký	Điểm số	Điểm chữ	Mã lớp	Ghi chú
35	2010100120	Hồ Văn Văn	07/07/2002	<i>Văn</i>	6	Sáu	C22QT4	

Lưu ý: Sinh viên chưa đóng học phí không được kiểm tra giữa kỳ và thi kết thúc học phần.

Tổng số sinh viên dự thi : 35 vắng thi: 0 . Số bài thi: 35 / 35 .
Số sinh viên đạt/không đạt: 35 / 0 Tỷ lệ đạt: 100 %

Ngày: 19 tháng 4 năm 2024

TRƯỞNG KHOA/ BỘ MÔN

(ký & ghi rõ họ tên)

[Signature]

ThS. Hồ Thiện Thông Minh

Ngày: 45 tháng 3 năm 2021

GIÁO VIÊN CHẤM THI

(ký & ghi rõ họ tên)

[Signature]

Nguyễn Thị Tuyết

TRƯỞNG
KHẢO



BẢNG ĐIỂM KIỂM TRA THƯỜNG XUYÊN

học kỳ 2 - Năm học : 2020-2021

Môn học : Nguyên lý kế toán - MH1104036

Giám thị 1: _____ Ký tên: _____

Mã lớp học phần: MH110403602

Số tín chỉ: 3

Giám thị 2: _____ Ký tên: _____

Giảng viên giảng dạy: Nguyễn Thị Tuyết - (04058)

Giám thị 3: _____ Ký tên: _____

Ngày thi: _____ Giờ thi: _____ Phòng thi: _____

Giám thị 4: _____ Ký tên: _____

STT	Mã SV	Họ và tên	Ngày sinh	Chữ ký	Điểm số	Điểm chữ	Mã lớp	Ghi chú
1	2010100163	Nguyễn Thị Thu Ba	15/04/2002	.			C22QT5	
2	2010100150	Mai Bảo Châu	15/10/2002	Chau	8	bay	C22QT5	
3	2010120001	Võ Thị Thu Hà	10/12/1995	Tha	5	Nam	C22QT5	
4	2010100151	Bùi Thị Bích Hạ	09/12/2002	Hoc	8	Tam	C22QT5	
5	2010100154	Nguyễn Thụy Ngọc Hiền	29/08/2002	Nguyen	5	Nam	C22QT5	
6	2010100146	Nguyễn Thị Như Huỳnh	19/10/2002	Thuy	7	bay	C22QT5	
7	2010100098	Lê Thanh Hương	17/09/2001	.			C22QT5	
8	2010100159	Định Gia Khang	14/11/2020	lan	5	Nam	C22QT5	
9	2010100158	Trần Thị Kiều Oanh	24/10/2001	.			C22QT5	
10	2010100165	Trần Anh Hoàng Phi	24/05/2002	Phi	8	Tam	C22QT5	
11	2010100164	Nguyễn Hoàng Sơn	24/04/2002	Son	8	Tam	C22QT5	
12	2010100141	Nguyễn Trí Thanh	11/04/2001	Thanh	7	bay	C22QT5	
13	2010130025	Châu Thanh Thảo	26/07/2002	Thao	8	Tam	C22QT5	
14	2010100153	Hồ Đỗ Trung Thảo	15/09/2001	Thao	8	Tam	C22QT5	
15	2010100155	Nguyễn Thuận Thảo	26/12/1993	Thao	7	bay	C22QT5	
16	2010100161	Phạm Thị Thu Thảo	11/02/2002	Thao	7	bay	C22QT5	
17	2010100160	Tô Loan Thảo	18/04/2002	Thao	8	Tam	C22QT5	
18	2010100162	Phạm Thị Hồng Thắm	02/10/2002	Tha	8	Tam	C22QT5	
19	2010100157	Võ Hồng Thắm	09/03/2002	Tha	6	Sau	C22QT5	
20	2010100152	Nguyễn Tuệ Thư	01/09/2002	Tha	8	Tam	C22QT5	
21	2010100145	Võ Ngọc Anh Thư	29/10/2002	Tha	8	Tam	C22QT5	
22	2010100196	Bùi Lê Đức Trung	17/10/2002	Tha	5	Nam	C22QT5	
23	2010100147	Dương Minh Tuấn	19/08/2002	.			C22QT5	
24	2010100140	Trần Ngọc Thúy Vi	24/09/2001	Thuy	9	chín	C22QT5	
25	2010100156	Cao Nguyễn Phương Vy	06/09/2002	Tha	6	Sau	C22QT5	
26	2010100112	Nguyễn Thị Kim Xuyên	27/02/2002	Xuyen	8	Tam	C22QT5	

Lưu ý: Sinh viên chưa đóng học phí không được kiểm tra giữa kỳ và thi kết thúc học phần.

Tổng số sinh viên dự thi : 26 vắng thi: 0. Số bài thi: 26 / 26.

Số sinh viên đạt/không đạt: 26 / 0

Tỷ lệ đạt: 100 %

Ngày...19...tháng...4...năm...2021

TRƯỞNG KHOA/ BỘ MÔN

(ký & ghi rõ họ tên)



ThS. Hồ Thiện Thông Minh

Ngày...25...tháng...3...năm...2021

GIÁO VIÊN CHẤM THI

(ký & ghi rõ họ tên)



TRƯỞNG

KHẢO



BẢNG ĐIỂM KIỂM TRA ĐỊNH KỲ

học kỳ 2 - Năm học : 2020-2021

Môn học : Nguyên lý kế toán - MH1104036

Mã lớp học phần: MH110403602

Số tín chỉ: 3

Giảng viên giảng dạy: Nguyễn Thị Tuyết - (04058)

Ngày thi: _____ Giờ thi: _____ Phòng thi: _____

Giám thị 1: _____ Ký tên: _____

Giám thị 2: _____ Ký tên: _____

Giám thị 3: _____ Ký tên: _____

Giám thị 4: _____ Ký tên: _____

STT	Mã SV	Họ và tên	Ngày sinh	Chữ ký	Điểm số	Điểm chữ	Mã lớp	Ghi chú
1	2010100163	Nguyễn Thị Thu Ba	15/04/2002				C22QT5	
2	2010100150	Mai Bảo Châu	15/10/2002	<i>Chau</i>	5	Năm	C22QT5	
3	2010120001	Võ Thị Thu Hà	10/12/1995	<i>Ha</i>	6	Sáu	C22QT5	
4	2010100151	Bùi Thị Bích Hạ	09/12/2002	<i>Hạ</i>	7	Bảy	C22QT5	
5	2010100154	Nguyễn Thụy Ngọc Hiền	29/08/2002	<i>Hiền</i>	6	Sáu	C22QT5	
6	2010100146	Nguyễn Thị Như Huỳnh	19/10/2002	<i>Huỳnh</i>	5	Năm	C22QT5	
7	2010100098	Lê Thanh Hương	17/09/2001				C22QT5	
8	2010100159	Đinh Gia Khang	14/11/2020	<i>Khang</i>	5	Năm	C22QT5	
9	2010100158	Trần Thị Kiều Oanh	24/10/2001				C22QT5	
10	2010100165	Trần Anh Hoàng Phi	24/05/2002	<i>Phi</i>	6	Sáu	C22QT5	
11	2010100164	Nguyễn Hoàng Sơn	24/04/2002	<i>Sơn</i>	6	Sáu	C22QT5	
12	2010100141	Nguyễn Trí Thanh	11/04/2001	<i>Thanh</i>	6	Sáu	C22QT5	
13	2010130025	Châu Thanh Thảo	26/07/2002	<i>Thảo</i>	6	Sáu	C22QT5	
14	2010100153	Hồ Đỗ Trung Thảo	15/09/2001	<i>Thảo</i>	5	Năm	C22QT5	
15	2010100155	Nguyễn Thuận Thảo	26/12/1993	<i>Thảo</i>	7	Bảy	C22QT5	
16	2010100161	Phạm Thị Thu Thảo	11/02/2002	<i>Thảo</i>	6	Sáu	C22QT5	
17	2010100160	Tô Loan Thảo	18/04/2002	<i>Thảo</i>	6	Sáu	C22QT5	
18	2010100162	Phạm Thị Hồng Thắm	02/10/2002	<i>Thắm</i>	7	Bảy	C22QT5	
19	2010100157	Võ Hồng Thắm	09/03/2002	<i>Thắm</i>	7	Bảy	C22QT5	
20	2010100152	Nguyễn Tuệ Thư	01/09/2002	<i>Thư</i>	5	Năm	C22QT5	
21	2010100145	Võ Ngọc Anh Thư	29/10/2002	<i>Thư</i>	6	Sáu	C22QT5	
22	2010100196	Bùi Lê Đức Trung	17/10/2002	<i>Trung</i>	6	Sáu	C22QT5	
23	2010100147	Dương Minh Tuấn	19/08/2002				C22QT5	
24	2010100140	Trần Ngọc Thúy Vi	24/09/2001	<i>Vi</i>	5	Năm	C22QT5	
25	2010100156	Cao Nguyễn Phương Vy	06/09/2002	<i>Vy</i>	6	Sáu	C22QT5	
26	2010100112	Nguyễn Thị Kim Xuyên	27/02/2002	<i>Xuyên</i>	6	Sáu	C22QT5	

Lưu ý: Sinh viên chưa đóng học phí không được kiểm tra giữa kỳ và thi kết thúc học phần.

Tổng số sinh viên dự thi : 26 vắng thi: 0 . Số bài thi: 26/26 .

Số sinh viên đạt/không đạt: 26 / 0

Tỷ lệ đạt: 100 %

Ngày 19 tháng 4 năm 2021

TRƯỜNG KHOA/ BỘ MÔN

(ký & ghi rõ họ tên)



ThS. Hồ Thiện Thông Minh

Ngày 25 tháng 3 năm 2021

GIÁO VIÊN CHẤM THI

(ký & ghi rõ họ tên)


Nguyễn Thị Tuyết

TRƯỜNG

KHẢO



BẢNG ĐIỂM KIỂM TRA THƯỜNG XUYÊN

học kỳ 2 - Năm học : 2020-2021

Môn học : Nguyên lý kế toán - MH1104036

Giám thị 1: _____ Ký tên: _____

Mã lớp học phần: MH110403602

Số tín chỉ: 3

Giám thị 2: _____ Ký tên: _____

Giảng viên giảng dạy: Nguyễn Thị Tuyết - (04058)

Giám thị 3: _____ Ký tên: _____

Ngày thi: _____ Giờ thi: _____ Phòng thi: _____

Giám thị 4: _____ Ký tên: _____

STT	Mã SV	Họ và tên	Đại	Ngày sinh	Chữ ký	Điểm số	Điểm chữ	Mã lớp	Ghi chú
1	2010100175	Ngô Trần Phúc	Đại	18/03/2002		9	Chín	C22QT6	
2	2010100184	Nguyễn Thị Ngọc	Điệp	29/05/2002		7	bảy	C22QT6	
3	2010100179	Khuong Nhật	Hiếu	11/05/2001		7		C22QT6	
4	2010100192	Đoàn Thị	Hoài	15/06/2002		7	bảy	C22QT6	
5	2010100182	Nguyễn Quang	Hùng	27/09/2001				C22QT6	Nợ HP 11/11
6	2010100168	Phạm Đăng	Khoa	29/04/2002		9	chín	C22QT6	
7	2010100174	Trần Mạnh	Long	20/11/2000		8	Tám	C22QT6	
8	2010100187	Nguyễn Võ Tấn	Luận	03/06/2002		6	Sáu	C22QT6	
9	2010100185	Đỗ Tuyết	Minh	04/07/2002		6	Sáu	C22QT6	
10	2010100188	Lê Bình	Minh	16/09/2002		6	Sáu	C22QT6	
11	2010100167	Nguyễn Đức	Minh	08/11/2002		9	chín	C22QT6	
12	2010010048	Nguyễn Trần Trọng	Nghĩa	15/07/2002		7	bảy	C22QT6	
13	2010100171	Trần Cao Ngọc	Nhi	20/09/2002		7	bảy	C22QT6	
14	2010010042	Đình Chấn	Phong	08/09/2002		6	Sáu	C22QT6	
15	2010100166	Nguyễn Thị Thanh	Phương	15/10/2002		8	Tám	C22QT6	
16	2010100189	Nguyễn Đình	Quốc	14/08/1999				C22QT6	
17	2010100169	Bùi Ngọc	Quyên	06/12/2002		7	bảy	C22QT6	
18	2010100190	Nguyễn Thị Ngọc	Sang	12/01/2002		7	bảy	C22QT6	
19	2010100170	Lê Văn	Tâm	07/08/2002		8	Tám	C22QT6	
20	2010100181	Lê Minh	Tân	06/09/2002		8	Tám	C22QT6	
21	2010100193	Huỳnh Thị Cẩm	Tiên	06/03/2002		9	chín	C22QT6	
22	2010100183	Nguyễn Hoàng Thủy	Tiên	16/12/2002		6	Sáu	C22QT6	
23	2010100176	Nguyễn Thị Ngọc	Trâm	09/10/2002		7	bảy	C22QT6	
24	2010100186	Tạ Thiên	Triều	27/11/2002		8	Tám	C22QT6	

Lưu ý: Sinh viên chưa đóng học phí không được kiểm tra giữa kỳ và thi kết thúc học phần.

Tổng số sinh viên dự thi : 24 vắng thi: 0 . Số bài thi: 24 / 24 .

Số sinh viên đạt/không đạt: 24 / 0

Tỷ lệ đạt: 100 %

Ngày: 19 tháng 4 năm 2021

TRƯỞNG KHOA/ BỘ MÔN

(ký & ghi rõ họ tên)

ThS. Hồ Thiện Thông Minh

Ngày: 25 tháng 5 năm 2021

GIÁO VIÊN CHẤM THI

(ký & ghi rõ họ tên)

Nguyễn Thị Tuyết

PHÒNG
KHẢO THÍ VÀ KIỂM ĐỊNH

BẢNG ĐIỂM KIỂM TRA ĐỊNH KỲ

học kỳ 2 - Năm học : 2020-2021

Môn học : Nguyên lý kế toán - MH1104036

Giám thị 1: _____ Ký tên: _____

Mã lớp học phần: MH110403602

Số tín chỉ: 3

Giám thị 2: _____ Ký tên: _____

Giảng viên giảng dạy: Nguyễn Thị Tuyết - (04058)

Giám thị 3: _____ Ký tên: _____

Ngày thi: _____ Giờ thi: _____ Phòng thi: _____

Giám thị 4: _____ Ký tên: _____

STT	Mã SV	Họ và tên	Đại	Ngày sinh	Chữ ký	Điểm số	Điểm chữ	Mã lớp	Ghi chú
1	2010100175	Ngô Trần Phúc	Đại	18/03/2002	<i>Đại</i>	6	Sáu	C22QT6	
2	2010100184	Nguyễn Thị Ngọc	Điệp	29/05/2002	<i>Thuy</i>	10	Mười	C22QT6	
3	2010100179	Khuong Nhất	Hiếu	11/05/2001				C22QT6	
4	2010100192	Đoàn Thị	Hoài	15/06/2002	<i>H</i>	7	Bảy	C22QT6	
5	2010100182	Nguyễn Quang	Hùng	27/09/2001				C22QT6	Nợ HP
6	2010100168	Phạm Đăng	Khoa	29/04/2002	<i>Khoa</i>	6	Sáu	C22QT6	
7	2010100174	Trần Mạnh	Long	20/11/2000	<i>M</i>	7	Bảy	C22QT6	
8	2010100187	Nguyễn Võ Tấn	Luận	03/06/2002	<i>L</i>	5	Năm	C22QT6	
9	2010100185	Đỗ Tuyết	Minh	04/07/2002	<i>T</i>	10	Mười	C22QT6	
10	2010100188	Lê Bình	Minh	16/09/2002	<i>ch</i>	8	Tám	C22QT6	
11	2010100167	Nguyễn Đức	Minh	08/11/2002	<i>Minh</i>	6	Sáu	C22QT6	
12	2010010048	Nguyễn Trần Trọng	Nghĩa	15/07/2002	<i>Ngh</i>	6	Sáu	C22QT6	
13	2010100171	Trần Cao Ngọc	Nhi	20/09/2002	<i>Nhi</i>	6	Sáu	C22QT6	
14	2010010042	Đinh Chấn	Phong	08/09/2002	<i>Ph</i>	5	Năm	C22QT6	
15	2010100166	Nguyễn Thị Thanh	Phương	15/10/2002	<i>Ph</i>	7	Bảy	C22QT6	
16	2010100189	Nguyễn Đình	Quốc	14/08/1999				C22QT6	
17	2010100169	Bùi Ngọc	Quyên	06/12/2002	<i>Quy</i>	6	Sáu	C22QT6	
18	2010100190	Nguyễn Thị Ngọc	Sang	12/01/2002	<i>Sang</i>	8	Tám	C22QT6	
19	2010100170	Lê Văn	Tâm	07/08/2002	<i>Tâm</i>	6	Sáu	C22QT6	
20	2010100181	Lê Minh	Tân	06/09/2002	<i>Tân</i>	5	Năm	C22QT6	
21	2010100193	Huỳnh Thị Cẩm	Tiên	06/03/2002	<i>T</i>	8	Tám	C22QT6	
22	2010100183	Nguyễn Hoàng Thủy	Tiên	16/12/2002	<i>Th</i>	7	Bảy	C22QT6	
23	2010100176	Nguyễn Thị Ngọc	Trâm	09/10/2002	<i>Tr</i>	7	Bảy	C22QT6	
24	2010100186	Tạ Thiên	Triều	27/11/2002	<i>T</i>	8	Tám	C22QT6	

Lưu ý: Sinh viên chưa đóng học phí không được kiểm tra giữa kỳ và thi kết thúc học phần.

Tổng số sinh viên dự thi : 24 vắng thi: 0 . Số bài thi: 24 / 24 .

Số sinh viên đạt/không đạt: 24 / 0

Tỷ lệ đạt: 100 %

Ngày 10 tháng 4 năm 2021

TRƯỞNG KHOA/ BỘ MÔN

(ký & ghi rõ họ tên)

[Signature]

ThS. Hồ Thiện Thông Minh

Ngày 25 tháng 3 năm 2021

GIÁO VIÊN CHẤM THI

(ký & ghi rõ họ tên)

[Signature]
Nguyễn Thị Tuyết



BẢNG ĐIỂM THI CUỐI KỲ - LẦN 1

học kỳ 2 - Năm học : 2020-2021

Môn học : Nguyên lý kế toán - MH1104036

Mã lớp học phần: MH110403602

Số tín chỉ: 3

Giảng viên giảng dạy: Nguyễn Thị Tuyết

Ngày thi: 14/04/2021

Giờ thi: 09h30

Phòng thi: A1.8

Giám thị 1: N.T.N. Hoa Ký tên: [Signature]

Giám thị 2: AS. TH. T. G. Anh Ký tên: [Signature]

Giám thị 3: _____ Ký tên: _____

Giám thị 4: _____ Ký tên: _____

STT	Mã SV	Họ và tên	Ngày sinh	Chữ ký	Số tờ	Điểm số	Điểm chữ	Mã lớp	Ghi chú
1	2010110012	Nguyễn Thị Như Bình	01/08/2002	<u>[Signature]</u>		4	Bình	C22QT4	
2	2010100138	Nguyễn Thị Minh Châu	30/07/2002	<u>[Signature]</u>		5	Năm	C22QT4	
3	2010100146	Hồ Thị Thùy Dung	11/05/2002	<u>[Signature]</u>		5	Năm	C22QT4	
4	2010100108	Nguyễn Thị Mỹ Duyên	23/07/2002	<u>[Signature]</u>		4	Bình	C22QT4	
5	2010100131	Nguyễn Thị Mỹ Duyên	01/02/2002	<u>[Signature]</u>		5	Năm	C22QT4	
6	2010100122	Võ Lê Ngọc Duyên	23/02/2002	<u>[Signature]</u>		4	Bình	C22QT4	
7	2010100129	Lâm Thùy Dương	17/08/2002	<u>[Signature]</u>		7	Bình	C22QT4	
8	2010100111	Võ Thị Thùy Dương	10/10/2002	<u>[Signature]</u>		5	Năm	C22QT4	
9	2010100119	Trần Nguyễn Phương Đào	06/05/2002	<u>[Signature]</u>		5	Năm	C22QT4	
10	2010110018	Nguyễn Thị Mỹ Hạnh	27/02/2001	<u>[Signature]</u>		4	Bình	C22QT4	
11	2010100101	Trương Văn Hiếu	01/01/2002	<u>[Signature]</u>		4	Bình	C22QT4	
12	2010100124	Nguyễn Thị Mỹ Huyền	20/05/2002	<u>[Signature]</u>		5	Năm	C22QT4	
13	2010100115	Phạm Ngọc Lâm	08/06/2002	<u>[Signature]</u>		4,5	Bình	C22QT4	
14	2010100125	Nguyễn Thị Nhà Linh	16/06/2002	<u>[Signature]</u>		5	Năm	C22QT4	
15	2010100136	Phạm Hoàng Duy Linh	17/11/2002	<u>[Signature]</u>		5	Năm	C22QT4	
16	2010100121	Nguyễn Ngọc Long	14/10/2002	<u>[Signature]</u>		5,5	Năm	C22QT4	
17	2010100123	Từ Lâm Yên Mi	06/07/2002	<u>[Signature]</u>		5	Năm	C22QT4	
18	2010100135	Huỳnh Thanh Nga	15/08/2002	<u>[Signature]</u>		5,5	Năm	C22QT4	
19	2010100114	Đào Ngọc Kim Ngân	04/03/2002	<u>[Signature]</u>		5	Năm	C22QT4	
20	2010100117	Đoàn Thị Mỹ Nhân	13/06/2002	<u>[Signature]</u>		5	Năm	C22QT4	
21	2010100113	Quách Minh Phi	10/05/2002	<u>[Signature]</u>		5	Năm	C22QT4	
22	2010100134	Nguyễn Thái Phong	22/04/2002	<u>[Signature]</u>		4	Bình	C22QT4	
23	2010100107	Đào Võ Xuân Quang	12/02/2002	<u>[Signature]</u>		6	Sau	C22QT4	
24	2010100130	Sakyna	22/12/2002	<u>[Signature]</u>		4	Bình	C22QT4	
25	2010100137	Phan Hữu Tài	30/10/2002	<u>[Signature]</u>		5	Năm	C22QT4	
26	2010100118	Lê Huỳnh Thu Thảo	12/12/2002	<u>[Signature]</u>		6	Sau	C22QT4	
27	2010100133	Trần Quốc Thắng	03/10/2002	<u>[Signature]</u>		5	Năm	C22QT4	
28	2010100110	Trương Minh Thiện	22/11/2002	<u>[Signature]</u>		5	Năm	C22QT4	
29	2010100109	Lưu Thảo Trang	10/11/2000	<u>[Signature]</u>		5	Năm	C22QT4	
30	2010100128	Nguyễn Thị Ngọc Trang	06/05/2001	<u>[Signature]</u>		5,5	Năm	C22QT4	
31	2010100126	Trần Thu Trang	27/12/2002	<u>[Signature]</u>		3,5	Ba	C22QT4	
32	2010100149	Nguyễn Huỳnh Quế Trân	27/07/2002	<u>[Signature]</u>		5,5	Năm	C22QT4	

STT	Mã SV	Họ và tên	Ngày sinh	Chữ ký	Số tờ	Điểm số	Điểm chữ	Mã lớp	Ghi chú
33	2010100127	Đặng Văn Truyền	27/01/2002	<i>Truyền</i>		5,5	Năm rưỡi	C22QT4	
34	2010100132	Nguyễn Thanh Tuyết	26/11/2002	<i>Thanh Tuyết</i>		4,5	hơn rưỡi	C22QT4	
35	2010100120	Hồ Văn Văn	07/07/2002	<i>Văn</i>		5	Năm	C22QT4	

Lưu ý: - Sinh viên chưa đóng học phí không được kiểm tra giữa kỳ và thi kết thúc học phần.
- Trường không công nhận điểm đối với trường hợp GV, CBCT ghi thêm tên SV vào bảng điểm.

Tổng số sinh viên dự thi: 35 vắng thi: 0. Số bài thi/Số tờ: 35 / 35.

Số sinh viên đạt: _____ Tỷ lệ đạt: _____ %

Ngày 19 tháng 4 năm 21

TRƯỞNG KHOA/ BỘ MÔN

(ký & ghi rõ họ tên)

[Signature]

ThS. Hồ Thiện Thông Minh

Ngày 15 tháng 4 năm 2021

GIÁO VIÊN CHẤM THI

(ký & ghi rõ họ tên)

[Signature]
Nguyễn Thị Tuyết



BẢNG ĐIỂM THI CUỐI KỲ - LẦN 1

học kỳ 2 - Năm học : 2020-2021

Môn học : Nguyên lý kế toán - MH1104036

Mã lớp học phần: MH110403602

Số tín chỉ: 3

Giảng viên giảng dạy: Nguyễn Thị Tuyết

Ngày thi: 14/04/2021

Giờ thi: 09h30

Phòng thi: A1.12

Giám thị 1: Lê Trung Sơn Ký tên: [Signature]

Giám thị 2: Cao Thị Duyên Ký tên: [Signature]

Giám thị 3: _____ Ký tên: _____

Giám thị 4: _____ Ký tên: _____

STT	Mã SV	Họ và tên	Ngày sinh	Chữ ký	Số tờ	Điểm số	Điểm chữ	Mã lớp	Ghi chú
1	2010100150	Mai Bảo Châu	15/10/2002	<u>[Signature]</u>		4	Bốn	C22QT5	
2	2010100175	Ngô Trần Phúc Đại	18/03/2002	<u>[Signature]</u>		4,5	Bốn rưỡi	C22QT6	
3	2010100184	Nguyễn Thị Ngọc Diệp	29/05/2002	<u>[Signature]</u>		4,5	Bốn rưỡi	C22QT6	
4	2010120001	Võ Thị Thu Hà	10/12/1995	<u>[Signature]</u>		4	Bốn	C22QT5	
5	2010100151	Bùi Thị Bích Hạ	09/12/2002	<u>[Signature]</u>		5	Năm	C22QT5	
6	2010100154	Nguyễn Thụy Ngọc Hiền	29/08/2002	<u>[Signature]</u>		6,5	Sáu rưỡi	C22QT5	
7	2010100192	Đoàn Thị Hoài	15/06/2002	<u>[Signature]</u>		5	Năm	C22QT6	
8	2010100146	Nguyễn Thị Như Huỳnh	19/10/2002	<u>[Signature]</u>		4	Bốn	C22QT5	
9	2010100159	Đinh Gia Khang	14/11/2002	<u>[Signature]</u>		4	Bốn	C22QT5	
10	2010100168	Phạm Đăng Khoa	29/04/2002	<u>[Signature]</u>		5	Năm	C22QT6	
11	2010100174	Trần Mạnh Long	20/11/2000	<u>[Signature]</u>		3,5	Ba rưỡi	C22QT6	
12	2010100187	Nguyễn Võ Tấn Luận	03/06/2002	<u>[Signature]</u>		3	Ba	C22QT6	
13	2010100185	Đỗ Tuyết Minh	04/07/2002	<u>[Signature]</u>		4,5	Bốn rưỡi	C22QT6	
14	2010100188	Lê Bình Minh	16/09/2002	<u>[Signature]</u>		4	Bốn	C22QT6	
15	2010100167	Nguyễn Đức Minh	08/11/2002	<u>[Signature]</u>		4	Bốn	C22QT6	
16	2010010048	Nguyễn Trần Trọng Nghĩa	15/07/2002	<u>[Signature]</u>		3	Ba	C22QT6	
17	2010100171	Trần Cao Ngọc Nhi	20/09/2002	<u>[Signature]</u>		4,5	Bốn rưỡi	C22QT6	
18	2010100165	Trần Anh Hoàng Phi	24/05/2002	<u>[Signature]</u>		4	Bốn	C22QT5	
19	2010010042	Đinh Chấn Phong	08/09/2002	<u>[Signature]</u>		4	Bốn	C22QT6	
20	2010100166	Nguyễn Thị Thanh Phương	15/10/2002	<u>[Signature]</u>		4,5	Bốn rưỡi	C22QT6	
21	2010100169	Bùi Ngọc Quyên	06/12/2002	<u>[Signature]</u>		4	Bốn	C22QT6	
22	2010100190	Nguyễn Thị Ngọc Sang	12/01/2002	<u>[Signature]</u>		4	Bốn	C22QT6	
23	2010100164	Nguyễn Hoàng Sơn	24/04/2002	<u>[Signature]</u>		4	Bốn	C22QT5	
24	2010100170	Lê Văn Tâm	07/08/2002	<u>[Signature]</u>		4	Bốn	C22QT6	
25	2010100181	Lê Minh Tân	06/09/2002	<u>[Signature]</u>		3,5	Ba rưỡi	C22QT6	
26	2010100141	Nguyễn Trí Thanh	11/04/2001	<u>[Signature]</u>		4	Bốn	C22QT5	
27	2010130025	Châu Thanh Thảo	26/07/2002	<u>[Signature]</u>		4	Bốn	C22QT5	
28	2010100153	Hồ Đỗ Trung Thảo	15/09/2001	<u>[Signature]</u>		4	Bốn	C22QT5	
29	2010100155	Nguyễn Thuận Thảo	26/12/1993	<u>[Signature]</u>		5,5	Năm rưỡi	C22QT5	
30	2010100161	Phạm Thị Thu Thảo	11/02/2002	<u>[Signature]</u>		4	Bốn	C22QT5	
31	2010100160	Tô Loan Thảo	18/04/2002	<u>[Signature]</u>		4	Bốn	C22QT5	
32	2010100162	Phạm Thị Hồng Thắm	02/10/2002	<u>[Signature]</u>		4	Bốn	C22QT5	

STT	Mã SV	Họ và tên	Ngày sinh	Chữ ký	Số tờ	Điểm số	Điểm chữ	Mã lớp	Ghi chú
33	2010100157	Võ Hồng Thắm	09/03/2002			3,5	Ba rưỡi	C22QT5	
34	2010100152	Nguyễn Tuệ Thư	01/09/2002			3	ba	C22QT5	
35	2010100145	Võ Ngọc Anh Thư	29/10/2002			3	ba	C22QT5	
36	2010100193	Huỳnh Thị Cẩm Tiên	06/03/2002			4	bốn	C22QT6	
37	2010100183	Nguyễn Hoàng Thủy Tiên	16/12/2002					C22QT6	
38	2010100176	Nguyễn Thị Ngọc Trâm	09/10/2002			4	bốn	C22QT6	
39	2010100186	Tạ Thiên Triều	27/11/2002			4	bốn	C22QT6	
40	2010100196	Bùi Lê Đức Trung	17/10/2002			4	bốn	C22QT5	
41	2010100140	Trần Ngọc Thúy Vi	24/09/2001			4	bốn	C22QT5	
42	2010100156	Cao Nguyễn Phương Vy	06/09/2002			3,5	Ba rưỡi	C22QT5	
43	2010100112	Nguyễn Thị Kim Xuyến	27/02/2002			4	bốn	C22QT5	

Lưu ý: - Sinh viên chưa đóng học phí không được kiểm tra giữa kỳ và thi kết thúc học phần.
- Trường không công nhận điểm đối với trường hợp GV, CBCT ghi thêm tên SV vào bảng điểm.

Tổng số sinh viên dự thi : _____ vắng thi: _____. Số bài thi/Số tờ: _____ / _____.

Số sinh viên đạt: _____ Tỷ lệ đạt: ____%

Ngày 19 tháng 4 năm 2021

TRƯỞNG KHOA/ BỘ MÔN

(ký & ghi rõ họ tên)

ThS. Hồ Thiện Thông Minh

Ngày 15 tháng 4 năm 2021

GIÁO VIÊN CHẤM THI

(ký & ghi rõ họ tên)

Nguyễn Thị Tuyết